

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 619/2022/KDTM-PT
Ngày: 28-9-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vận
chuyển.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Thảo

Bà Lưu Thị Đoàn Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Trương Thị Hồng Hoa – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28-9-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2022/TLPT-KDTM
ngày 07-7-2022 về tranh chấp “*Hợp đồng vận chuyển*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 988/2022/KDTM-ST ngày 31-3-2022 của
Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4168/2022/QĐ-PT ngày
01-8-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11184/2022/QĐ-PT ngày 30-8-2022,
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty Bảo hiểm B

Địa chỉ: 7 LTK, phường TCT, quận HK, thành phố HA.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Phương A, Đỗ Minh A,
Trần Mạnh H, Hoàng Văn Á; cùng địa chỉ: 7 LTK, phường TCT, quận HK,
thành phố HA, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 987/UQ-
BHBV ngày 14-3-2022)

Bị đơn: Công ty Cổ phần N

Địa chỉ: 13-15 Đường B4, phường ALĐ, thành phố TĐ, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh T, địa chỉ: 52/8
đường số 1, phường BHH A, quận BT, Thành phố H; ông Đỗ Như H, địa chỉ:
21/18 CBT, Phường U, quận PN, Thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền
(Văn bản ủy quyền số 84/2021/VSC ngày 17-5-2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần S
Địa chỉ: Số 10 TT, phường TP, Quận U, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai Kiều L – Tổng giám đốc (xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Cổ phần N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20-02-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Tổng Công ty Bảo hiểm B có đại diện ủy quyền trình bày: Ngày 02-7-2018, Bảo hiểm B Sài Gòn - chi nhánh của Tổng Công ty Bảo hiểm B (sau đây gọi tắt là Bảo hiểm B) đã cấp đơn bảo hiểm hàng hoá vận chuyển nội địa cho lô hàng của Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là V), cụ thể như sau: Đơn bảo hiểm số 195334; Hợp đồng bảo hiểm CHMD07.HDB.18.HH03, hàng hóa được bảo hiểm: Mạch nha, sữa, màng co, nắp sữa đặc, nắp nhựa, bao bì các loại chi tiết theo Hóa đơn GTGT số 0224147, 0224146, 0224145 ngày 23-6-2018; số tiền bảo hiểm 1.516.445.172 đồng. Hành trình bảo hiểm: Xí nghiệp kho vận – Công ty Cổ phần S đến KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 01-10-2016, V đã ký kết hợp đồng dịch vụ vận chuyển số 09/HĐ-DVVC/16 với Công ty Cổ phần N (sau đây gọi là Công ty N) về việc sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hóa trên toàn quốc do Công ty N cung cấp. Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 30-9-2018.

Ngày 24-6-2018, lô hàng được đóng trên Container và được vận chuyển bằng đường biển từ Hồ Chí Minh ra Hải Phòng theo vận đơn số VF3HCM1421N của Công ty N.

Ngày 27-6-2018, lô hàng sau khi đến cảng Hải Phòng đã được dỡ lên xe tải số 15C-179.64 của Công ty N do lái xe Trần Hải Tr điều khiển để vận chuyển tiếp đến điểm trả hàng là Nhà máy sữa Tiên Sơn tại khu Công nghiệp Tiên Sơn, huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

Ngày 28-6-2018, trong quá trình điều khiển xe tải số 15C-179.64 đi trả hàng, đến địa điểm thị xã Chí Linh, Hải Dương, xe tải số 15C-179.64 đã xảy ra tai nạn lật xe khiến hàng hoá được vận chuyển bị xô đổ, rơi xuống nước làm hư hỏng hàng hóa. Ngay sau khi xảy ra tai nạn, Công an thị xã Chí Linh, Hải Dương đã tiến hành điều tra, khám nghiệm hiện trường và lập biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông với nguyên nhân vụ tai nạn là do lỗi của lái xe không thực hiện tránh xe đúng quy định pháp luật.

Ngày 29-6-2018, V đã có thông báo tổn thất gửi đến Công ty N và Bảo hiểm B về tổn thất hàng hóa trong vụ việc. Theo đó, Bảo hiểm B đã tiến hành chỉ định Công ty Cổ phần giám định Phương Bắc Hà Nội làm đơn vị đại diện cho Bảo hiểm B xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất của lô hàng được bảo hiểm.

Ngày 30-8-2018, Công ty Cổ phần giám định Phương Bắc Hà Nội phát hành báo cáo giám định số 18130151/HN kết luận về mức độ và nguyên nhân tổn thất lô hàng được bảo hiểm.

Ngày 10-9-2018, V có thư yêu cầu bồi thường gửi Bảo hiểm B đề nghị bồi thường tổn thất hàng hoá được bảo hiểm theo Đơn bảo hiểm số 195334 và Hợp đồng bảo hiểm CHM.D07.HDB.18.HH03, với số tiền khiếu nại là 1.357.151.520 đồng.

Ngày 01-10-2018, Bảo hiểm B đã có Công văn số 8633/BHBV – GĐBTHH thông báo về việc Bảo hiểm B bồi thường tổn thất hàng hoá cho V với số tiền 1.356.151.520 đồng.

Ngày 02-10-2018, V đã có văn bản chấp nhận bồi thường của Bảo hiểm B, đồng ý với số tiền bồi thường trên đồng thời V có giấy biên nhận và thế quyền cho Bảo hiểm B tất cả quyền hạn liên quan đến hàng hoá được bảo hiểm trong phạm vi số tiền được nhận bồi thường.

Nay Tổng Công ty Bảo hiểm B khởi kiện yêu cầu Công ty N thanh toán cho Tổng Công ty Bảo hiểm B số tiền 1.356.151.520 (Một tỷ, ba trăm năm mươi sáu triệu, một trăm năm mươi một ngàn, năm trăm hai mươi) đồng tương ứng với giá trị tổn thất hàng hoá trong vụ việc gây ra bởi Công ty N.

Bị đơn Công ty N có đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 01-10-2016, Công ty N ký Hợp đồng số 09/HĐ-DVVĐ/16 với Công ty Cổ phần S (V). Theo hợp đồng trên, Công ty N cung cấp dịch vụ logistics không giao nhận hoá đơn ghi nhận về giá trị hàng hóa (giao nguyên container niêm chì) cho V. Trong chuyến hàng được nhận chuyên chở vào ngày 23-6-2018, vào lúc 3h30 ngày 28-6-2018 xe đầu kéo chở chuyến hàng trên bị lật tại Quốc lộ 37, Thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Sau khi sự việc được giải quyết, vào ngày 29-6-2018 toàn bộ hàng hoá đã được giao cho V. Ngày 10-7-2018, thông báo tổn thất của V được phát hành thông qua thư điện tử. Nội dung văn bản thông báo về sự việc hư hỏng hàng hoá đối với chuyến hàng giao ngày 29-6-2018. Sau đó, Tổng Công ty Bảo hiểm B liên tiếp phát đi các văn bản đề ngày 31-10-2018 và ngày 05-12-2018 yêu cầu Công ty N bồi hoàn số tiền 1.356.151.520 đồng là giá trị thiệt hại mà Bảo hiểm B đã bồi thường cho V theo hợp đồng bảo hiểm. Nay Bảo hiểm B khởi kiện Công ty N yêu cầu bồi hoàn số tiền 1.356.151.520 đồng, Công ty N có ý kiến như sau:

Thứ nhất, Công ty N từ chối yêu cầu bồi hoàn của Bảo hiểm B vì Công ty N không nhận được thông báo của V về việc chuyển quyền yêu cầu bồi thường cho Bảo hiểm B. Căn cứ khoản 2 Điều 365 Bộ luật Dân sự 2015 “... *Người chuyển giao quyền yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho bên có nghĩa vụ biết về việc chuyển giao quyền yêu cầu, ...*”. Vì chưa nhận được thông báo về việc Bảo hiểm B được thế quyền yêu cầu bồi thường nên căn cứ khoản 1 Điều 369 Bộ luật Dân sự 2015 “*Trường hợp bên có nghĩa vụ không được thông báo về việc chuyển giao quyền yêu cầu và người thế quyền không chứng minh về tính xác thực của việc chuyển giao quyền yêu cầu thì bên có nghĩa vụ có quyền từ*

chối việc thực hiện nghĩa vụ đối với người thế quyền”. Theo quy định này, Công ty N từ chối thực hiện yêu cầu bồi hoàn của Bảo hiểm B.

Thứ hai, Bảo hiểm B không có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật vì:

Căn cứ hợp đồng giữa Công ty N và V, chủ thể có quyền yêu cầu là V. Tuy nhiên, xét thấy giấy thế quyền đề ngày 02-10-2018 mà Bảo hiểm B dùng để làm căn cứ khởi kiện Công ty N lại được ký bởi Chi nhánh Kho vận của V. Căn cứ khoản 5 Điều 84 Bộ luật Dân sự 2015 “*Người đứng đầu chi nhánh ... thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của pháp nhân trong phạm vi và thời hạn được ủy quyền*”. Vì thế Bảo hiểm B có nghĩa vụ chứng minh về việc ủy quyền hợp pháp của V cho phép người đứng đầu chi nhánh chuyển giao quyền yêu cầu. Trong tài liệu được Bảo hiểm B giao nộp không có văn bản ủy quyền hợp pháp của V cho phép Chi nhánh Kho vận của V ký giấy thế quyền đề ngày 02-10-2018 để Bảo hiểm B được thế quyền của V. Vì thế Bảo hiểm B không có quyền khởi kiện yêu cầu Công ty N bồi thường thiệt hại phát sinh trong hợp đồng được ký kết giữa Công ty N và V. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 trong trường hợp người khởi kiện không có quyền khởi kiện thì Toà án trả lại đơn khởi kiện. Trong trường hợp Đơn khởi kiện đã được thụ lý thì đề nghị Toà án đình chỉ vụ án theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Thứ ba, Công ty N được miễn trách nhiệm hoàn toàn đối với toàn bộ thiệt hại về hàng hóa bởi lẽ Công ty N không nhận được thông báo rằng mình bị khởi kiện tại Toà án có thẩm quyền trong thời hạn luật định. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 237 Luật Thương mại 2005 “*Sau khi bị khiếu nại, thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics không nhận được thông báo về việc bị kiện tại Trọng tài hoặc Toà án trong thời hạn chín tháng, kể từ ngày giao hàng.*” thì “*...thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics không phải chịu trách nhiệm về những tổn thất đối với hàng hóa...*”. Căn cứ biên bản giao nhận hàng hóa được giao ngày 29-6-2018. Như vậy, trong trường hợp này bên có quyền phải khởi kiện và gửi thông báo về việc khởi kiện cho Công ty N trong thời hạn từ ngày 30-6-2018 đến hết ngày 30-3-2019. Căn cứ vào đơn khởi kiện Bảo hiểm B đã thực hiện việc khởi kiện yêu cầu bồi hoàn vào ngày 25-02-2019. Tuy nhiên, cho đến khi Công ty N nhận được thông báo thụ lý số 05/2020/KTST ngày 15-01-2020 Công ty N mới biết mình bị khởi kiện tại Toà án, là chậm hơn 9 tháng 15 ngày so với quy định. Vì thế, Công ty N được miễn trách nhiệm hoàn toàn đối với tổn thất hàng hoá theo quy định tại Điều 237 Luật Thương mại năm 2005.

Vì các căn cứ nêu trên Công ty N không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bảo hiểm B, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đề nghị Toà đình chỉ vụ án do người khởi kiện không có quyền khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Công ty Cổ phần S (V) do bà Mai Kiều L là đại diện pháp luật có bản tự khai trình bày như sau: Ngày 28-12-2017, V và Tổng Công ty Bảo hiểm B đã ký kết hợp đồng bảo hiểm số

HCM.D07.HDB.18 HH03, với loại hình bảo hiểm là: Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển và lưu kho tạm – Hợp đồng năm. Công ty N là đơn vị vận chuyển hàng hoá của V theo Hợp đồng dịch vụ vận chuyển số 2016 – 2018 số 09/HĐ – DVVC/16 ký ngày 01-10-2016. Theo hợp đồng này, Công ty N đã vận chuyển lô hàng sau:

- Hàng hóa: Mạch nha, sữa, màng co, nắp sữa đặc, nắp nhựa, bao bì các loại;
- Phương tiện vận chuyển: 51C 93878/VIETSUN FORTUNE V.142N/15C 17964
- Đi từ: XNKV Thành phố Hồ Chí Minh đến KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
- Số hóa đơn: 0224147, 0224146, 0224145 ngày 23-6-2018.

Trong quá trình vận chuyển, xe tải mang biển kiểm soát 15C - 17964 gặp sự cố gây tai nạn giao thông dẫn đến hàng hoá vận chuyển trên xe bị hư hỏng, tổn thất. Ngày tổn thất được xác định là ngày 28-6-2018. Căn cứ theo hợp đồng bảo hiểm giữa V và Bảo hiểm B đã lập hồ sơ yêu cầu bồi thường số 355/HH/2018, Đơn bảo hiểm số 1953314 đề yêu cầu bồi thường tổn thất liên quan đến sự cố tai nạn nêu trên. Theo đó, V đã nhận từ Bảo hiểm B số tiền 1.356.151.520 đồng là số tiền bồi thường cuối cùng và đầy đủ cho khiếu nại của V theo đơn bảo hiểm nói trên về tổn thất của lô hàng. Sau khi nhận số tiền bồi thường, V đã ban hành Giấy biên nhận và thế quyền, theo đó V đồng ý chuyển quyền và thế quyền cho Bảo hiểm B tất cả các quyền hạn của V có liên quan đến hàng hóa được bảo hiểm nêu trên. V không liên quan đến tranh chấp giữa Bảo hiểm B và Công ty N nên không có ý kiến và xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 1.356.151.520 đồng là khoản tiền Bảo hiểm B đã bồi thường cho V.

Đại diện bị đơn yêu cầu miễn trừ nghĩa vụ bồi thường do Bảo hiểm B vi phạm thời hạn thông báo theo quy định tại Điều 237 Luật Thương mại năm 2005; V vi phạm nghĩa vụ thông báo cho Công ty N biết việc chuyển giao quyền cho Bảo hiểm B; Văn bản thế quyền của V không phải người có thẩm quyền ký và đóng dấu.

Đại diện Công ty N đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và con dấu tại văn bản thế quyền ngày 02-10-2018 của V.

Đại diện Bảo hiểm B không đồng ý với ý kiến của Công ty N, Bảo hiểm B có gửi thông báo cho Công ty N về việc khởi kiện ngày 14-3-2019 và có dấu của bưu điện đã được Bảo hiểm B nộp tại Tòa án, Công ty N cho rằng không nhận được thông báo của Bảo hiểm B không phải do lỗi của Bảo hiểm B. Ngày 28-3-2022, V đã gửi Thông báo về việc thế quyền cho Công ty N, pháp luật Việt Nam không quy định thời gian phải gửi thông báo về việc thế quyền khi nào nên Bảo

hiểm B không vi phạm nghĩa vụ thông báo. Văn bản thế quyền của V do đại diện pháp luật của V ký tên và đóng dấu đã được Bảo hiểm B cung cấp cùng với hồ sơ khởi kiện khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 4, ngoài ra V cũng thừa nhận có việc chuyển giao quyền cho Bảo hiểm B tại Đơn xin vắng mặt cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 988/2022/KDTM-ST ngày 31-3-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Bảo hiểm B:

Buộc Công ty Cổ phần N phải trả cho Tổng Công ty Bảo hiểm B số tiền 1.356.151.520 (Một tỷ, ba trăm năm mươi sáu triệu, một trăm năm mươi một ngàn, năm trăm hai mươi) đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Tổng Công ty Bảo hiểm B có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Cổ phần N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng Công ty Cổ phần N còn phải chịu trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần N phải chịu là 52.684.546 (năm mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi bốn ngàn, năm trăm bốn mươi sáu) đồng.

Hoàn lại cho Tổng Công ty Bảo hiểm B số tiền tạm ứng án phí là 26.343.000 (Hai mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi ba ngàn) đồng mà Tổng Công ty Bảo hiểm B đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0024398 ngày 18-6-2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 (nay là Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền thi hành án của đương sự theo luật định.

Sau khi Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức xét xử, Công ty N có Đơn kháng cáo đề ngày 07-4-2022 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật không đúng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty N.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ý kiến của nguyên đơn: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị cấp phúc thẩm y án sơ thẩm. Văn bản thế quyền của V do đại diện pháp luật bà Mai Kiều L ký tên đóng dấu đã được Bảo hiểm B cung cấp cùng với hồ sơ khởi kiện khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 4, việc chuyển giao quyền này cũng được V thừa nhận. Phiếu gửi thông báo khởi kiện có ghi tay ngày gửi là “12h 14/03/2018” là sai sót của người gửi (ghi nhầm) thực tế được gửi vào ngày 14-3-2019, có người ký nhận là “Hoa (có chữ ký).

Ý kiến của bị đơn: Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm đã chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và áp dụng sai pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan V xin vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Hủy Bản án sơ thẩm số 988/2022/KDTM-ST ngày 31-3-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức. Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức giải quyết lại theo thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên tòa, các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bảo hiểm B đã thực hiện trách nhiệm bồi thường cho V theo Đơn bảo hiểm số 195334; Hợp đồng bảo hiểm CHMD07.HDB.18.HH0 ngày 28-12-2017. Ngày 02-10-2018, V lập Giấy biên nhận và thế quyền để chuyển giao cho Bảo hiểm B tất cả quyền hạn liên quan đến hàng hoá được bảo hiểm trong phạm vi số tiền được nhận bồi thường do lỗi của Công ty N khi thực hiện Hợp đồng dịch vụ vận chuyển số 09/HĐ-DVVC/16 ngày 01-10-2016 giữa V và Công ty N. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hợp đồng vận chuyển. Bị đơn Công ty N có trụ sở tại thành phố Thủ Đức nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của bị đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 31-3-2022, Đơn kháng cáo của bị đơn gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm ngày 07-4-2022 là còn trong thời hạn luật định, kháng cáo của bị đơn hợp lệ nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Xét kháng cáo của Bị đơn cho rằng tại phiên họp công khai chứng cứ chỉ có Giấy biên nhận và thế quyền ngày 02-10-2018 do ông Lê Đức Th ký, đóng dấu Xí nghiệp kho vận Công ty Cổ phần S không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn mới được tiếp cận với Giấy biên nhận và thế quyền có chữ ký của người đại diện*

pháp luật của V bà Mai Kiều L. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong hồ sơ vụ án tại bút lục 26 là bản chính Giấy biên nhận và thế quyền do bà Mai Kiều L ký; bút lục 40 là bản photo Giấy biên nhận và thế quyền ngày 02-10-2018 do ông Lê Đức Th ký, đóng dấu Xí nghiệp kho vận Công ty Cổ phần S; bút lục 201 là bản sao công chứng Giấy biên nhận và thế quyền ngày 02-10-2018 do bà Mai Kiều L ký có đóng dấu công văn đến của Tổng Công ty Bảo hiểm B số 5351 ngày 19-6-2019 (được Bảo hiểm B cung cấp cho Tòa sơ thẩm ngày 04-3-2022). Tuy nhiên, theo danh mục tài liệu kèm Đơn khởi kiện đề ngày 20-2-2019 của Bảo hiểm B nộp tại Tòa án nhân dân Quận 4 thể hiện Giấy biên nhận và thế quyền ngày 02-10-2018 của V cho Bảo hiểm B (không ghi rõ người ký) là bản sao; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16-4-2021 do Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức lập thể hiện tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là bản photo Giấy biên nhận và thế quyền của Công ty Cổ phần S ngày 02-10-2018 (không ghi rõ người ký), không thể hiện có bản chính Giấy biên nhận và thế quyền do bà Mai Kiều L ký. Như vậy trong hồ sơ vụ án tồn tại 02 giấy biên nhận và thế quyền của V cho Bảo hiểm B cùng ngày 02-10-2018 do 2 người ký, ngày Bảo hiểm B nhận được giấy biên nhận và thế quyền có chữ ký của bà Mai Kiều L là sau thời điểm khởi kiện, sau thời điểm Tòa án công khai chứng cứ.

[3] Từ tài liệu chứng cứ không rõ ràng, thống nhất nêu trên, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn đã đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tạm ngừng phiên tòa và cho giám định thời gian hình thành chữ ký, hình dấu trên Giấy biên nhận và thế quyền ngày 02-10-2018 do bà Mai Kiều L ký vì nghi ngờ giấy biên nhận này được ký lùi ngày để hợp thức hoá hồ sơ khởi kiện nhưng không được cấp sơ thẩm chấp nhận và cũng không đưa ra lý do không chấp nhận yêu cầu, do đó bị đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm chưa thực hiện việc thu thập chứng cứ đầy đủ. Xét thấy, tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm và Biên bản hội ý ngày 31-3-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thể hiện tại phiên tòa bị đơn có yêu cầu tạm ngừng phiên tòa và nộp đơn yêu cầu trưng cầu giám định, Hội đồng xét xử hội ý và quyết định tiếp tục phiên tòa theo quy định tại Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nhưng không nêu quan điểm cũng như lý do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Bản án sơ thẩm không nhận định về việc giải quyết yêu cầu trưng cầu giám định của bị đơn. Như vậy, cấp sơ thẩm đã chưa xem xét, giải quyết hết các yêu cầu của đương sự trong việc xác minh, thu thập chứng cứ là vi phạm quy định tại Điều 97, Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn tiếp tục yêu cầu Tòa trưng cầu giám định thời gian hình thành chữ ký, hình dấu trên Giấy biên nhận và thế quyền ngày 02-10-2018 do bà Mai Kiều L ký, kèm theo Đơn đề ngày 23-9-2022 do người đại diện pháp luật bị đơn gửi Hội đồng xét xử đề nghị xem xét yêu cầu trưng cầu giám định.

[5] *Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng quan hệ tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng dịch vụ logistics”, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “hợp đồng bảo hiểm”, áp dụng Bộ luật Dân sự giải quyết vụ án là áp dụng sai pháp luật.* Như nhận định tại mục [1] thì đây là tranh chấp hợp đồng

vận chuyển phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ vận chuyển số 09/HĐ-DVVC/16 ngày 01-10-2016 giữa V với Công ty N, do Luật Thương mại điều chỉnh; cơ sở cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy biên nhận và thể quyền mà V đã ký chuyển giao toàn bộ quyền liên quan đến hàng hóa bị tổn thất mà Công ty N có nghĩa vụ phải bồi thường do lỗi của Công ty N; quan hệ bảo hiểm giữa Bảo hiểm B và V đã được giải quyết xong. Do đó, cấp sơ thẩm xác định đây là “tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”, đồng thời áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự để giải quyết tranh chấp giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận là không chính xác.

[6] *Xét kháng cáo của bị đơn đối với tài liệu chứng minh thông báo việc khởi kiện của nguyên đơn là phiếu gửi bưu điện do Viettel post phát hành ghi ngày gửi là 14-3-2018 nhưng sự kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của bị đơn xảy ra ngày 28-6-2018, như vậy thông báo khởi kiện được gửi trước sự kiện bảo hiểm 03 tháng là mâu thuẫn.* Hội đồng xét xử nhận thấy, Phiếu gửi qua dịch vụ Viettel post có ngày giờ gửi được ghi trên phiếu gửi là “12h 14-3-2018” là trước ngày xảy ra sự kiện lật xe 28-6-2018, người nhận là “Hoa (có chữ ký)”. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bảo hiểm B cho rằng ghi nhầm từ năm “2019” thành “2018” và cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới là xác nhận của Chi nhánh Bưu chính Viettel Hà Nội xác nhận có nhận và vận chuyển bưu phẩm do Tổng Công ty Bảo hiểm B gửi tới Công ty N cho người nhận là chị Hoa vào ngày 16-3-2019, tuy nhiên nguyên đơn không xác định được người nhận “Hoa” là ai, Công ty N cho rằng không nhận được thư nêu trên và cũng không biết “Hoa” ký nhận là ai, không phải là nhân viên của Công ty N do đó chưa đủ cơ sở xác định Công ty N đã nhận được thông báo về việc khởi kiện nói trên. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc bị đơn có nhận được thông báo khởi kiện của nguyên đơn hay không để xem xét việc bị đơn yêu cầu áp dụng điểm e khoản 1 Điều 237 Luật Thương mại năm 2015 là có thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[7] Từ những nhận định trên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị huỷ nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần N.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 38; khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 988/2022/KDTM-ST ngày 31-3-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần N không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/26649 ngày 19-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- Cục THADS TP.HCM
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ (14).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Quỳnh Trâm